



BÀI 3: MUA SẮM (2)

물건 사기 (2)

KHOA TIẾNG HÀN QUỐC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA

GIẢNG VIÊN: M.A HỒ QUANG ANH

MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

학습의 목표

- Kỹ năng: Cách nói khi mua sắm, cách nói so sánh;
- Từ vựng: Danh từ đơn vị (2), từ vựng liên quan đến mua đồ, từ vựng liên quan đến trạng thái của sự vật;
- Ngữ pháp: 보다, vĩ tố định từ dùng với tình từ -(으)ㄴ, vĩ tố định từ thì hiện tại -는;
- Văn hóa: Mua sắm ở Hàn Quốc

1. TỪ VỰNG

TỪ VỰNG CƠ BẢN – 기본 어휘

단위명사 (2) Danh từ đơn vị (2)



벌 bộ (quần áo)



켈레 đôi (giày, tất)



쌍 đôi (khuyên tai)



장 tờ, trang



송이 đóa, chùm



바구니 giỏ, rổ



상자 hộp



봉지 túi ny-lông, bịch ny-lông

TỪ VỰNG CƠ BẢN – 기본 어휘

물건 사기 관련 어휘 Từ vựng liên quan đến mua sắm

찾다 tìm kiếm	마음에 들다 vừa ý	맞다 vừa	어울리다 phù hợp
주문하다 đặt hàng	계산하다 tính tiền	교환하다 đổi đồ (đổi sang đồ khác)	환불하다 trả đồ (lấy lại tiền)

사물의 상태 관련 어휘 Từ vựng liên quan đến trạng thái của sự vật



짧다 ngắn



길다 dài



많다 nhiều



적다 ít



두껍다 dày



얇다 mỏng



무겁다 nặng



가볍다 nhẹ



화려하다 sặc sỡ



단순하다 đơn giản



편하다 thoải mái



불편하다 không thoải mái

새 단어

굴

단어

쇼핑몰

기능

디자인

쉽게

기분

만

슈퍼

노트북

빠르다

신다

누구나

샤프

싱겁다

다양하다

설악산

싸다

새 단어

유행하다

한라산

제품

할인점

카드

핸드백

튼튼하다

팔다

필요하다

2. NGỮ PHÁP

NGŨ PHÁP CƠ BẢN – 기본 문법

Ngữ pháp: 보다

- Là tiểu từ sử dụng khi so sánh người hay sự vật, danh từ trước đó là tiêu chuẩn so sánh;
- Với ý nghĩa là “hơn”, tiểu từ này cũng được sử dụng cùng với 더 và 덜 (덜 có nghĩa là kém).

NGŨ PHÁP CƠ BẢN – 기본 문법

VD:

- 1) 이 옷**보다** 저 옷이 **더** 예뻐요.
- 2) 버스**보다** 택시가 빠릅니다.
- 3) 시장이 백화점**보다** 쌉니다.
- 4) 비빔밥이 불고기**보다 더** 맛있어요.

NGŨ PHÁP CƠ BẢN – 기본 문법

VD:

- 5) 언니는 동생보다 더 예뻐요.
- 6) 우리 동생이 저보다 키가 커요.
- 7) 축가가 야구보다 더 재미있습니다.
- 8) 지하철이 기차보다 더 많이 사용해요.

NGŨ PHÁP CƠ BẢN – 기본 문법

Ngũ pháp: **-(으)ㄴ** Vĩ tố định từ dùng với tính từ

- Gắn vào sau thân tính từ, bổ nghĩa cho danh từ đi theo ngay sau đó, được dùng để biểu thị trạng thái của người và sự vật;
- Nếu thân của tính từ kết thúc bằng phụ âm thì dùng **-은**, kết thúc bằng nguyên âm thì dùng **ㄴ**, còn kết thúc bằng **≡** thì lược bỏ đi **≡** và gắn **ㄴ** vào.

NGŨ PHÁP CƠ BẢN – 기본 문법

VD:

- 1) 큰 가방이 좋아요.
- 2) 저 가게에 좋은 물건이 많습니다.
- 3) 긴 치마를 사고 싶어요.
- 4) 저는 작은 집에서 삽니다.

NGŨ PHÁP CƠ BẢN – 기본 문법

- 가방이 크다 → 크다 + 가방 → 큰 가방
- 집이 작다 → 작다 + 집 → 작은 집
- 치마가 길다 → 길다 + 치마 → 긴 치마
- 물건이 좋다 → 좋다 + 물건 → 좋은 물건

NGŨ PHÁP CƠ BẢN – 기본 문법

Ngữ pháp: -**는** **Vĩ tố định từ thì hiện tại**

- Gắn vào sau thân động từ, bổ nghĩa cho danh từ theo ngay sau đó, được dùng để biểu thị sự kiện hay hành động đó xảy ra ở thời điểm hiện tại;
- -**는** cũng được sử dụng cho cả thân tính từ kết thúc bằng 있다 hay 없다.

NGŨ PHÁP CƠ BẢN – 기본 문법

VD:

- 1) 지금 찾는 장소가 어디예요?
- 2) 어머니가 자주 만드는 음식을 불고기입니다.
- 3) 멋진 옷을 한 벌 사고 싶어요.
- 4) 지금 보는 책이 뭐예요?

NGŨ PHÁP CƠ BẢN – 기본 문법

VD:

- 5) 지금 좋아하는 남자가 있어요?
- 6) 여기가 바로 내가 사는 집이에요.
- 7) 친구들과 자주 놀러가는 곳이 있습니까?
- 8) 모르는 단어가 많아요.

3. LUYỆN TẬP

말하기

I. 알아봅시다

1. Hãy nói dạng so sánh theo mẫu.

<Mẫu>



1,500원



1,000원

사과가 바나나보다 비싸요.

(1)



손목시계
(150g)



휴대전화
(130g)

(2)



한라산
(1,950m)



설악산
(1,708m)

(3)



사전 /
두껍다



책 /
얇다

(4)



귤 /
많다



사과 /
적다

말하기

I. 알아봅시다

2. Hãy nói theo mẫu dưới đây.

<Mẫu> 작다 / 가방을 사러 가요. → 작은 가방을 사러 가요.

- (1) 편하다 / 신발을 자주 신어요. → _____
- (2) 재미있다 / 영화를 보려고 해요. → _____
- (3) 예쁘다 / 옷을 사고 싶어요. → _____
- (4) 맵다 / 음식을 먹을 거예요. → _____

말하기

I. 알아봅시다

3. Những biểu hiện dưới đây được dùng khi nào? Hãy nối hai câu với nhau để tạo đoạn hội thoại phù hợp.

(1) 뭘 찾으세요?

•

• ㉠ 네, 됩니다.

(2) 카드도 돼요?

•

• ㉡ 잘 어울려요.

(3) 어떻게 계산하시겠어요?

•

• ㉢ 카드로 하겠습니다.

(4) 이 옷 어때요?

•

• ㉣ 가방을 하나 사고 싶어요.

말하기

II. 이야기해 봅시다

1. Hãy luyện tập hội thoại theo mẫu.

(1)

<Mẫu>



짧다 / 바지

A 뭘 찾으세요?

B 짧은 바지를 하나 사고 싶어요.



① 크다 / 가방



② 편하다 / 운동화



③ 길다 / 치마



④ 가볍다 / 노트북

말하기

II. 이야기해 봅시다

1. Hãy luyện tập hội thoại theo mẫu.

(2)

<Mẫu>



옷 /

작다 → 크다

A 이 옷은 어떠세요?

B 너무 작아요, 좀 큰 것을 보여 주세요.



① 노트북 /
무겁다 → 가볍다



② 카메라 /
크다 → 작다



③ 가방 /
비싸다 → 싸다



④ 치마 /
짧다 → 길다

말하기

II. 이야기해 봅시다

1. Hãy luyện tập hội thoại theo mẫu.

(3)

<Mẫu>



바지 < 치마

A 어느 것으로 하시겠어요?

B 바지보다 치마가 마음에 들어요,
치마로 하겠어요.



① 구두 < 운동화



② 그림 < 사진



③ 연필 < 샤프



④ 모자 < 가방

말하기

II. 이야기해 봅시다

2. Bạn đến một khu mua sắm của Hàn Quốc. Hãy đóng vai khách và chủ cửa hàng để nói chuyện.



<Mẫu>

짧다 / 치마

길다 → 짧다

- A 어서 오세요. 뭘 찾으세요?
B 짧은 치마를 하나 사고 싶어요.
A 이 치마는 어떠세요?
B 좀 길어요. 이것보다 더 짧은 것 없어요?
A 그럼 이건 어떠세요?
B 마음에 들어요. 이걸로 주세요. 카드도 돼요?
A 네, 됩니다.

말하기

II. 이야기해 봅시다

2. Bạn đến một khu mua sắm của Hàn Quốc. Hãy đóng vai khách và chủ cửa hàng để nói chuyện.

(1)

가볍다 / 가방

무겁다 → 가볍다

(2)

편하다 / 신발

불편하다 → 편하다

말하기

III. 더 알아봅시다

Hương đến cửa hàng để mua đồ điện tử. Hãy luyện tập hội thoại.



<Mẫu>

노트북

무겁다 / 가볍다

카드

- A 아저씨, **노트북** 좀 보여 주세요.
- B 이 두 제품이 손님들이 많이 찾는 거예요. 어떠세요?
- A 너무 **무거워요**. 이것들보다 좀 **가벼운** 거 없어요?
- B 이쪽으로 오세요. 이걸 어떠세요?
- A 마음에 들어요. 이거로 주세요.
- B 어떻게 계산하시겠어요?
- A **카드**로 하겠습니다.

말하기

III. 더 알아봅시다

Hương đến cửa hàng để mua đồ điện tử. Hãy luyện tập hội thoại.

(1)

전자사전

단어 수가 적다 / 단어 수가 많다

현금

(2)

휴대전화

두껍다 / 얇다

카드

듣기

I. 알아봅시다

1. Người này mua cái gì? Số lượng bao nhiêu? Hãy nói các phương án đúng.

(1)		• ① 1 •	• ① 장 •
(2)		• ② 2 •	• ② 바구니 •
(3)		• ③ 3 •	• ③ 켄레 •
(4)		• ④ 5 •	• ④ 벌 •

듣기

I. 알아봅시다

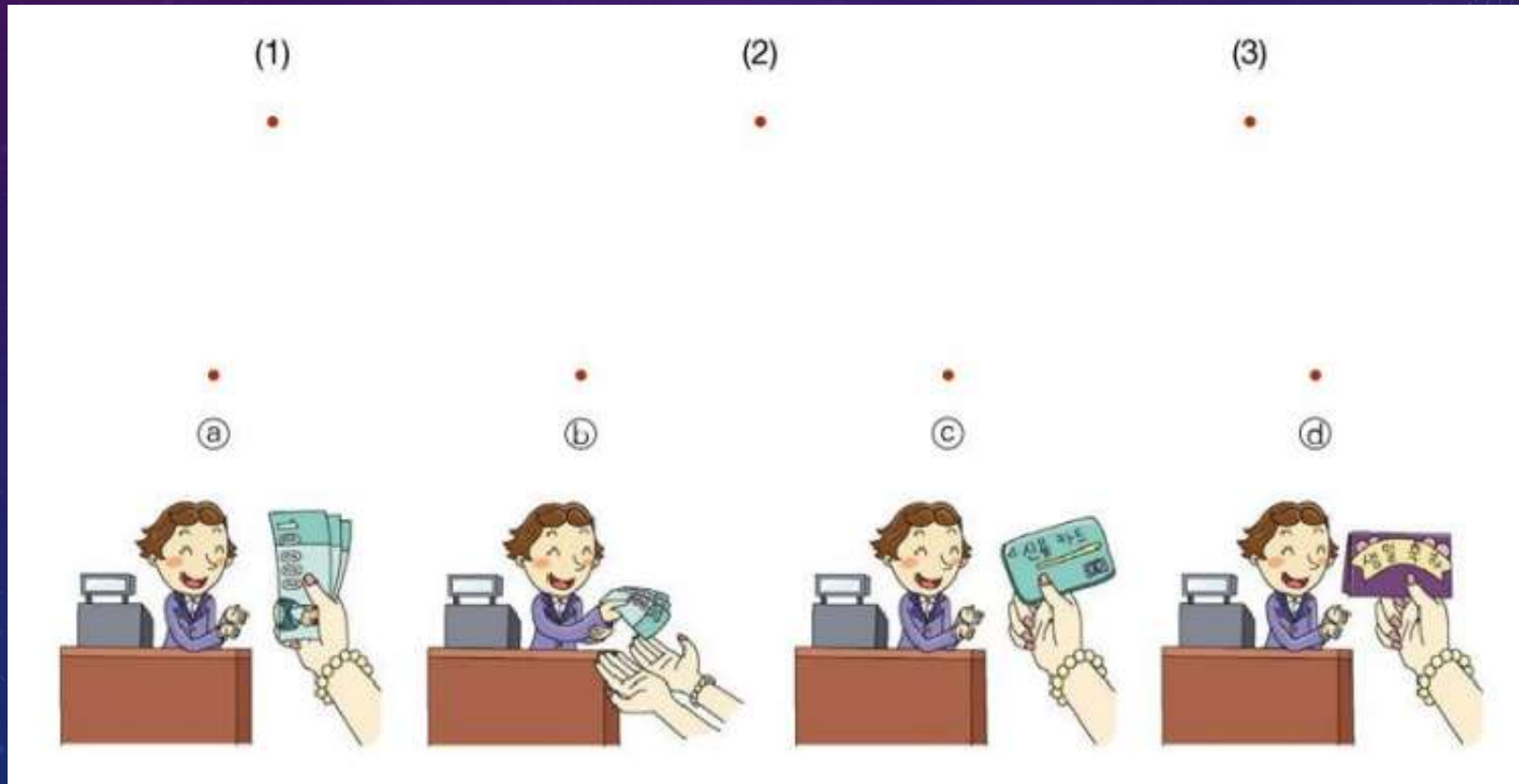
3. Hãy nghe và chọn phương án đúng.



듣기

II. 들어 봅시다

1. Hãy nói với các bức tranh phù hợp.



듣기

II. 들어 봅시다

2. Hãy nghe đoạn hội thoại dưới đây và trả lời câu hỏi.

(1) 두 사람은 지금 어디에 있어요?

㉠



㉡



㉢



(2) 대화의 내용이 맞으면 ○, 틀리면 × 하세요.

① 이 손님은 작은 것보다 큰 것을 좋아합니다. ()

② 요즘 사람들이 이것을 아주 좋아합니다. ()

③ 손님은 이 가게에서 물건을 삽니다. ()

듣기

III. 더 알아봅시다

1. Hãy nghe và điền vào chỗ trống.

(1)

손님 아저씨, 저 티셔츠 보여 주시겠어요?

주인 저 _____ 거요?

손님 아니요, 그 옆에 _____ 거요.

저는 작은 거보다 _____ 게 좋아요.

주인 여기 있어요. 이건 요즘 _____ 티셔츠예요.

손님 아주 _____. 하나 주세요.

듣기

III. 더 알아봅시다

1. Hãy nghe và điền vào chỗ trống.

(2)

유나 어머, 저 코트 정말 예뻐요.

풍 저 _____ 코트가 좋으세요?

유나 아니요, 디자인이 좀 _____ 코트요.

풍 정말 _____ 코트네요.

유나 씨에게 잘 어울릴 거예요.

듣기

III. 더 알아봅시다

2. Hãy nghe đoạn hội thoại sau và chọn phương án đúng, sai. Nếu đúng đánh dấu O, sai đánh dấu X.

- | | |
|-----------------------------|---------|
| (1) 이 사람은 사과 한 봉지를 샀어요. | () |
| (2) 큰 사과가 5개에 4,000원이에요. | () |
| (3) 요즘은 작은 사과가 큰 사과보다 맛있어요. | () |

읽기

I. 알아봅시다

1. Hãy xem các bức tranh dưới đây và nối với danh từ chỉ loại phù hợp.

(1) 슈퍼에서 굴 한 봉지를 샀습니다.

• a



(2) 시장에서 굴 한 바구니를 샀습니다.

• b



(3) 친구가 굴 한 상자를 가져왔습니다.

• c



읽기

I. 알아봅시다

2. Hãy đọc đoạn văn sau và chọn phương án đúng, sai. Nếu đúng đánh dấu O, sai đánh dấu X.

(1)

요즘 화려한 치마가 유행입니다.
저는 유행하는 옷을 좋아하지 않습니다.
그리고 저는 화려한 치마보다 편한 바지를 자주 입습니다.

- ① 저는 유행하는 옷을 좋아해요. ()
- ② 저는 화려한 옷보다 편한 옷을 좋아해요. ()

읽기

I. 알아봅시다

2. Hãy đọc đoạn văn sau và chọn phương án đúng, sai. Nếu đúng đánh dấu O, sai đánh dấu X.

(2)

민수 씨는 단 것을 좋아하지 않습니다.

그리고 짜고 매운 음식보다 조금 싱거운 것을 자주 먹습니다.

① 민수 씨는 단 음식을 좋아해요. ()

② 민수 씨는 싱거운 것보다 짜고 매운 음식을 좋아해요. ()

읽기

I. 알아봅시다

2. Hãy đọc đoạn văn sau và chọn phương án đúng, sai. Nếu đúng đánh dấu O, sai đánh dấu X.

(3)

흐엉 씨는 튼튼한 책상을 좋아합니다.

그리고 작고 예쁜 책상보다 크고 무거운 책상을 사고 싶어합니다.

① 흐엉 씨는 무거운 책상을 싫어해요. ()

② 흐엉 씨는 작지만 튼튼한 책상을 살 거예요. ()

읽기

II. 읽어 봅시다

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.



박수빈

저는 동대문에 있는 쇼핑몰에 갔습니다.
그 쇼핑몰은 아주 크고, 요즘 유행하는 물건이 아주 많습니다.
저는 큰 가방보다 핸드백을 좋아합니다.
그래서 마음에 드는 핸드백을 하나 샀습니다.



한자원

저는 동생과 함께 서울역에 있는 할인점에 갔습니다.
그 할인점에는 싸고 좋은 물건이 많이 있습니다.
그리고 맛있고 싱싱한 과일을 많이 팝니다.
우리는 오렌지보다 사과를 좋아합니다.
그래서 맛있는 사과를 한 봉지 샀습니다.



김민준

저는 어제 명동에 있는 백화점에 갔습니다.
그 백화점에는 비싸지만 좋은 물건이 많이 있습니다.
저는 운동화보다 구두를 자주 신습니다.
그래서 요즘 유행하는 구두를 한 켤레 샀습니다.

읽기

II. 읽어 봅시다

1. Hãy đọc các câu sau. Nếu đúng với nội dung đoạn văn trên đánh dấu O, sai đánh dấu X.

- (1) 동대문에 있는 쇼핑몰은 작지만 물건이 많습니다. ()
- (2) 할인점에는 요즘 유행하는 물건이 아주 많습니다. ()
- (3) 명동에 있는 백화점에서 싸고 좋은 물건을 많이 살 수 있습니다. ()

읽기

II. 읽어 봅시다

2. Hãy viết vào bảng dưới đây xem những người ở trên đã mua gì và lý do mua.

	어디에서 샀어요?	무엇을 샀어요?	왜 그것을 샀어요?
박수빈	쇼핑몰	마음에 드는 핸드백	큰 가방보다 핸드백을 좋아해요
한지원			
김민준			

읽기

III. 더 알아보시다

Hãy đọc tờ quảng cáo sau và trả lời câu hỏi.

한국 카메라 마트

좋은 카메라는 여기에 다 있습니다!
다른 가게 보다 싼니다!
다른 가게보다 좋은 물건만 팝니다!

A



~~250,000원~~
→ 199,000원

- 기분 좋은 가격
- 예쁜 디자인
- 누구나 쉽게 찍을 수 있는 카메라

B



~~650,000원~~
→ 500,000원

- 비싸지 않은 가격
- 가볍고 예쁜 디자인
- 다양한 사진

C



~~800,000원~~
→ 450,000원

- 기능이 많은 카메라
- 사진 찍기를 좋아하는 사람
- 아주 가까운 곳에 있는 물건을 찍을 때

읽기

III. 더 알아봅시다

1. Hãy đọc các câu sau. Nếu đúng với nội dung quảng cáo ở cửa hàng bán máy ảnh trên thì đánh dấu O, sai đánh dấu X.

- | | |
|------------------------------|--------|
| (1) 여기에서 사진을 팝니다. | () |
| (2) 여기에서 한 가지 카메라만 살 수 있습니다. | () |
| (3) 여기는 다른 가게보다 물건을 싸게 팝니다. | () |

읽기

III. 더 알아봅시다

2. Máy ảnh trong đoạn văn trên có đặc điểm gì? Hãy đánh dấu x vào máy ảnh phù hợp với nội dung dưới đây.

	카메라 A	카메라 B	카메라 C
(1) 가장 비싼 카메라			
(2) 디자인이 예쁜 카메라			
(3) 가까운 꽃을 찍을 수 있는 카메라			
(4) 사진을 쉽게 찍는 카메라			
(5) 무겁지 않은 카메라			
(6) 여러 가지 사진을 찍을 수 있는 카메라			

쓰기

I. 알아봅시다

1. Hãy hoàn thành hội thoại theo mẫu.

<Mẫu>

A 요즘 유행하는 옷은 어떤 거예요?

B 화려한 옷이 유행해요.

(1) A _____ 음식은 뭐예요?

B 건강에 좋은 음식을 자주 먹어요.

(2) A _____ 식당은 어떤 식당이에요?

B 저는 조용하고 깨끗한 식당에 자주 가요.

(3) A _____ 영화는 어떤 거예요?

B 재미있는 영화를 자주 봐요.

쓰기

I. 알아봅시다

2. Hãy viết câu theo mẫu.



저는 화려한 옷보다 단순한 옷이 좋아요.



쓰기

II. 써 봅시다

1. Hãy dịch các câu sau tiếng Hàn.

- (1) Cái này đắt hơn cái kia. → _____.
- (2) Tôi không thể ăn được đồ ăn cay. → _____.
- (3) Tôi muốn uống cà phê hơn là nước hoa quả. → _____.
- (4) Ở đây có nhiều áo ưng ý. → _____.

쓰기

II. 써 봅시다

2. Bạn định bán hàng trên trang mạng mua bán đồ cũ. Hãy viết theo mẫu dưới đây.

<Mẫu>

책상을 팝니다.

아주 튼튼한 책상입니다.

6개월 전에 샀어요.

3만 원에 팝니다.



쓰기

II. 써 봅시다

3. Bạn định bán hàng trên trang mạng mua bán đồ cũ. Hãy viết theo nội dung sau đây.

(1) Trước hết hãy đọc nội dung đã được sắp xếp trong bảng dưới đây.

팔고 싶은 물건이 무엇입니까?	디지털 카메라
언제, 얼마에 샀습니까?	1년 전, 20만 원
어떤 물건입니까?	아주 가볍고 예쁘다
지금은 얼마에 팝니까?	15만 원
어떻게 연락합니까?	편한 시간에 전화, 이메일

쓰기

II. 써 봅시다

3. Bạn định bán hàng trên trang mạng mua bán đồ cũ. Hãy viết theo nội dung sau đây.

(2) Dựa vào bảng trên hãy hoàn thành đoạn văn sau.



_____를 팝니다.

_____전에 _____원에 샀습니다.

_____카메라입니다. _____원에 팝니다.

필요하신 분은 편한 시간에 전화(010-335-1057)해 주세요.

이메일(DICA@sagopalgo.net)도 괜찮습니다.

쓰기

III. 더 알아봅시다

1. Bạn định dán tờ thông báo bán đồ cũ ở nơi những người Hàn Quốc hay mua đồ tại Việt Nam. Trước hết hãy ghi những nội dung định viết vào bảng sau.

팔고 싶은 물건이 무엇입니까?	
언제, 얼마에 샀습니까?	
어떤 물건입니까?	
지금은 얼마에 팝니까?	
어떻게 연락합니까?	

쓰기

III. 더 알아봅시다

2. Dựa vào bảng trên hãy viết tờ thông báo bán đồ cũ.

Hãy vẽ món hàng
muốn bán.

A spiral-bound notebook with a white page and a grey spiral binding on the left. The page has a header with the text 'Hãy vẽ món hàng muốn bán.' and several horizontal lines for drawing and writing.

발음

1. Hãy lưu ý phần gạch chân và lắng nghe phần phát âm.



- | | |
|------------------|--------------|
| (1) <u>짧</u> 은 | <u>짧</u> 고 |
| (2) <u>넓</u> 어요 | <u>넓</u> 지 |
| (3) 여 <u>덥</u> 은 | 여 <u>덥</u> 개 |

Quy tắc phát âm

Khi phụ âm cuối kép /ㄲ/ đứng cuối âm tiết hoặc trước phụ âm thì /ㅂ/ được lược bỏ và chỉ phát âm /ㄱ/. Nếu phía sau có nguyên âm thì /ㅂ/ được phát âm nổi sang. Tuy nhiên trường hợp '밟다' là ngoại lệ, /ㄲ/ đứng cuối âm tiết hoặc trước phụ âm nhưng lại phát âm /ㅂ/.

여덟 [여덜]	여덟 개 [여덜 개]	여덟은 [여덜븐]	
짧다 [짤따]	짧고 [짤꼬]	짧지 [짤찌]	짧아요 [짤바요]
밟다 [밥따]	밟고 [밥꼬]	밟지 [밥찌]	밟아요 [발바요]

발음

2. Nghe các câu sau và đọc to theo.

- (1) 교실에 여덟 사람이 있어요.
- (2) 교실이 아주 넓고 깨끗합니다.
- (3) 너무 짧지 않은 치마를 보여 주세요.
- (4) 이 계단은 위험하니 밟지 마세요.



발음

3. Hãy đọc to đoạn văn sau.

어제 간 가게는 넓고 옷이 많았습니다.
조금 짧지만 아주 멋진 바지를 샀습니다.
제 친구는 예쁜 손수건을 여덟 장이나 샀습니다.
우리는 거기에서 산 물건이 아주 마음에 들었습니다.



감사합니다